

Số: 219^u/BC-NHNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

Kính gửi: Chính phủ

I/ Danh mục các văn bản rà soát

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định bao gồm:

1. Các Hiệp định có liên quan

- Hiệp định về Thanh toán và hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc nước CHND Trung Hoa ngày 16/10/2003.

- Hiệp định Thanh toán giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng quốc gia Campuchia ngày 21/02/2005.

- Hiệp định về Thanh toán và hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng nước CHDCND Lào ngày 12/12/2007.

2. Các Luật có liên quan

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16/6/2010;

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020.

- Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13/12/2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18/3/2013.

3. Các Nghị định có liên quan

- Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 về quy chế khu vực biên giới đất liền nước CHXHCN Việt Nam;

- Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17/12/2010 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam.

4. Các Thông tư có liên quan

- Thông tư số 07/2001/TT-NHNN ngày 31/8/2001 hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11/7/2008 ban hành quy chế đại lý đổi ngoại tệ;

- Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;

- Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản QPPL về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân;

- Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số văn bản QPPL về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

- Thông tư số 19/2018/TT-NHNN ngày 28/8/2018 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

II/ Kết quả rà soát pháp lý

Kết quả và nội dung rà soát cụ thể liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật tại mục I Báo cáo và dự kiến hướng xử lý trong dự thảo Nghị định được nêu tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

Trên cơ sở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có nhận định như sau:

- Các quy định về hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới đã được rà soát đảm bảo phù hợp với quy định tại các Hiệp định thanh toán với ba nước chung biên giới và các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên.

- Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và những điểm mới tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

III/ Đề xuất, kiến nghị về việc xây dựng dự thảo Nghị định

Trên cơ sở rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiến nghị xây dựng dự thảo Nghị định với mục tiêu, quan điểm, nội dung sau đây:

- Bổ sung hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới nhằm tạo khung khổ pháp lý đối với hoạt động đại lý đổi đồng tiền của nước có chung biên giới; tạo cơ sở cho công tác kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng đối với hoạt động đại lý đổi đồng tiền của nước có chung biên giới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động này; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn các tỉnh biên giới.

- Sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính nhằm bổ sung đối tượng mới là tổ chức kinh tế làm đại lý đổi tiền nước chung biên giới để các cơ quan chức năng có cơ sở kiểm tra, xử phạt trên thực tế.

Như vậy, các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối sẽ được xây dựng đầy đủ, đồng bộ, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng.

Trên đây là Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ | (để b/c)
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái; |
- Văn phòng Chính phủ; | (để p/h)
- Bộ Tư pháp;
- Thống đốc (để b/c);
- PTĐ Phạm Thanh Hà;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLNH3, PTLinh. *h*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Phạm Thanh Hà



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

PHỤ LỤC

Các điều khoản cụ thể được rà soát trong các văn bản QPPL liên quan đến Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

(Kèm theo Báo cáo số 219/BC-NHNN ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước)

Stt	Quy định tại VBQPPL có liên quan	Quy định tại văn bản hiện hành (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP)	Quy định tại dự thảo Nghị định
1	<p>- Điều 3 Hiệp định về Thanh toán và hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc nước CHND Trung Hoa quy định: <i>Về thương mại hàng hóa và dịch vụ tại vùng biên giới, hai Ngân hàng trung ương nên khuyến khích các thực thể kinh tế thực hiện thanh toán qua các ngân hàng thương mại và theo các nguyên tắc sau đây: 1. Tùy theo sự thỏa thuận của hai bên liên quan, các đồng tiền có thể chuyển đổi hoặc Nhân dân tệ hay Đồng Việt Nam, đều có thể được sử dụng làm đồng tiền thanh toán. 2. Với thể thức hàng đổi hàng, việc thanh toán số dư này sinh sẽ được tiến hành theo thỏa thuận của hai bên liên quan và ngân hàng phục vụ hai nước, phù hợp với luật pháp và quy chế của mỗi nước. 3. Qua sự phê chuẩn của hai Ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại ở vùng biên giới của nước bên này được mở tài khoản nội tệ tại ngân hàng thương mại ở vùng biên giới của nước bên kia. Có thể thanh toán bù trừ số dư thanh toán của biên mậu bằng đồng tiền do ngân hàng thương mại hai nước thỏa thuận.</i></p> <p>- Điều 3 Hiệp định Thanh toán giữa Ngân hàng Nhà nước</p>	<p>Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)</p>	<p>- Sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 3 như sau: “2. Tổ chức tín dụng ủy quyền là tổ chức tín dụng được phép ủy quyền cho tổ chức kinh tế làm đại lý đối ngoại tệ hoặc làm đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới. Đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, tổ chức tín dụng ủy quyền phải có trụ sở chính và/hoặc chi nhánh tại tỉnh biên giới trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới. 4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các tỉnh có chung biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia. 5. Tiền của nước có chung biên giới là Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY), Kíp Lào (LAK), Riel Campuchia (KHR). Tiền của nước nào chỉ được đổi tại khu vực biên giới đất liền</p>

Việt Nam và Ngân hàng quốc gia Campuchia quy định: *Các bàn đổi tiền tư nhân chỉ được phép hoạt động khi được Ngân hàng trung ương nước mình cấp giấy phép. Các ngân hàng thương mại hoạt động tại địa bàn có các cửa khẩu biên giới phải thành lập các phòng thu đổi tiền (ngoại tệ, VND, KHR) tại các cửa khẩu để phục vụ dân cư hai nước qua lại trao đổi, mua bán hàng hóa giữa hai nước.*

- Điều 3 Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam quy định: *1. Thanh toán hàng hoá và chi trả dịch vụ tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu. 2. Bán cho Ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối hoặc bàn đổi ngoại tệ đặt tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu. 3. Cất giữ, mang theo người trong phạm vi tỉnh biên giới. Khi mang ra khỏi tỉnh biên giới vào các tỉnh khác trong nội địa phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 4. Mang theo người khi xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 5. Đầu tư vào Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu đối với trường hợp là công dân nước ngoài. Việc đầu tư thực hiện theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

- Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước CHXHCN Việt Nam quy định: *Khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết gọn là khu vực biên giới đất liền) bao gồm xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) có một phần địa giới hành chính trùng hợp với đường biên giới quốc gia trên đất liền.*

- Điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định: *Khu kinh tế cửa khẩu là khu kinh tế hình thành ở khu vực biên giới đất liền và địa bàn lân cận khu*

hoặc khu kinh tế cửa khẩu tiếp giáp với nước đó.”

- Bổ sung Điều 6a như sau:

Điều 6a. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới

1. Tổ chức kinh tế chỉ được thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận). Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cấp Giấy chứng nhận:

a) Điều kiện về trụ sở chính, chi nhánh:

(i) Có trụ sở chính tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh biên giới; hoặc

(ii) Có trụ sở chính và chi nhánh tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn một tỉnh biên giới; hoặc

(iii) Có trụ sở chính tại tỉnh biên giới và chi nhánh tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên cùng địa bàn một tỉnh biên giới.

b) Điều kiện về địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới: Có địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế có trụ sở chính hoặc chi nhánh.

	<i>vực biên giới đất liền có cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính và được thành lập theo các điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này.</i>		
2	<p>Khoản 1,2,5,6,7 Điều 2 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định:</p> <p>1. “Cấp bản sao từ sổ gốc” là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.</p> <p>2. “Chứng thực bản sao từ bản chính” là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.</p> <p>5. “Bản chính” là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lần đầu, cấp lại, cấp khi đăng ký lại; những giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>6. “Bản sao” là bản chụp từ bản chính hoặc bản đánh máy có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.</p> <p>7. “Sổ gốc” là sổ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền lập ra khi thực hiện việc cấp bản chính theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung đầy đủ, chính xác như bản chính mà cơ quan, tổ chức đó đã cấp.</p>	Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)	<p>Bổ sung Điều 6b như sau:</p> <p>Điều 6b. Nguyên tắc lập hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận</p> <p>1. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức kinh tế được lựa chọn nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức kinh tế đó về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trường hợp tổ chức kinh tế nộp hồ sơ là bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu hồ sơ phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.</p>
3	<p>Luật Doanh nghiệp quy định:</p> <p>Điều 198. Chia công ty</p> <p>1. Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (sau đây gọi là công ty bị chia) để thành lập hai hoặc nhiều công ty mới.</p> <p>Điều 199. Tách công ty</p> <p>1. Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (sau đây gọi là công ty bị</p>	Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)	<p>Bổ sung Điều 6c như sau:</p> <p>Điều 6c. Các trường hợp cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận</p> <p>1. Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;</p>

tách) để thành lập một hoặc một số công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mới (sau đây gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách.

Điều 200. Hợp nhất công ty

1. Hai hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (sau đây gọi là công ty hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất.

Điều 201. Sáp nhập công ty

1. Một hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập.

Điều 202. Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần

1. Doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần theo phương thức sau đây: a) Chuyển đổi thành công ty cổ phần mà không huy động thêm tổ chức, cá nhân khác cùng góp vốn, không bán phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân khác; b) Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn; c) Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách bán toàn bộ hoặc một phần phần vốn góp cho một hoặc một số tổ chức, cá nhân khác; d) Kết hợp phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này và các phương thức khác.

Điều 203. Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo phương thức sau đây: a) Một cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương ứng của tất cả cổ đông còn lại; b) Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ

b) Tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục tổ chức lại, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới.

	<p>phần của tất cả cổ đông của công ty; c) Công ty chỉ còn lại 01 cổ đông.</p> <p>Điều 204. Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</p> <p>1. Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo phương thức sau đây: a) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà không huy động thêm hoặc chuyển nhượng cổ phần cho tổ chức, cá nhân khác; b) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đồng thời huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn; c) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đồng thời chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần cổ phần cho tổ chức, cá nhân khác góp vốn; d) Công ty chỉ còn lại 02 cổ đông; đ) Kết hợp phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này và các phương thức khác.</p> <p>Điều 205. Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh</p> <p>1. Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh theo quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Doanh nghiệp được chuyển đổi phải có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này; b) Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; c) Chủ doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó; d) Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.</p>		
4	Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản QPPL về hoạt	Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)	Bổ sung Điều 6c như sau: Điều 6c. Các trường hợp cấp lại, điều

	<p>động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân quy định:</p> <p>Điều 6a. Các trường hợp thay đổi phải đăng ký, thông báo</p> <p>1. Các trường hợp thay đổi về các nội dung sau phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ:</p> <p>a) Thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức kinh tế;</p> <p>b) Thay đổi địa chỉ đặt đại lý đổi ngoại tệ;</p> <p>c) Tăng số lượng đại lý đổi ngoại tệ.</p> <p>2. Trường hợp thay đổi tên của tổ chức tín dụng ủy quyền, giảm số lượng đại lý đổi ngoại tệ, tổ chức kinh tế thực hiện thông báo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.</p>		<p>chỉnh Giấy chứng nhận</p> <p>2. Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp thay đổi sau:</p> <p>a) Thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức kinh tế;</p> <p>b) Thay đổi địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;</p> <p>c) Tăng số lượng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;</p> <p>d) Tăng mức tồn quỹ tiền của nước có chung biên giới.</p> <p>Đối với trường hợp quy định tại điểm a, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi.</p> <p>3. Tổ chức kinh tế vẫn được thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới trong thời gian làm thủ tục đề nghị cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận.</p> <p>4. Trường hợp thay đổi tên của tổ chức tín dụng ủy quyền, giảm số lượng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, tổ chức kinh tế thực hiện thông báo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi.</p>
5	<p>Khoản 1,2,3 Điều 4 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền quy định:</p> <p><i>Căn cứ vào phạm vi đối tượng xuất, nhập; cửa khẩu biên giới đất liền được chia thành cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu</i></p>	<p>Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)</p>	<p>Bổ sung Điều 6d như sau:</p> <p>Điều 6d. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận</p> <p>1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bao gồm:</p>

	<p><i>chính (cửa khẩu song phương), cửa khẩu phụ và lối mở biên giới (sau đây gọi chung là cửa khẩu biên giới).</i></p> <p><i>1. Cửa khẩu quốc tế được mở cho người, phương tiện của Việt Nam và nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.</i></p> <p><i>2. Cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) được mở cho người, phương tiện Việt Nam và nước láng giềng có chung cửa khẩu xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.</i></p> <p><i>3. Cửa khẩu phụ được mở cho người, phương tiện Việt Nam và nước láng giềng thuộc tỉnh biên giới hai bên xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.</i></p>		<p>... đ) Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền, bao gồm những nội dung chính sau:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại liên hệ của các bên ký kết hợp đồng;</p> <p>(ii) Tên, địa chỉ các đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;</p> <p>(iii) Quy định đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới chỉ được mua tiền của nước có chung biên giới bằng tiền mặt (trừ các đại lý đặt ở khu vực chờ xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) và bán lại số tiền mặt mua được (ngoài số tiền mặt tồn quỹ được để lại) cho tổ chức tín dụng ủy quyền;</p> <p>(iv) Quy định về nguyên tắc xác định tỷ giá mua, bán (quy định về xác định tỷ giá bán chỉ áp dụng cho đại lý đặt ở khu vực chờ xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) đối với khách hàng và tỷ giá bán lại tiền của nước có chung biên giới bằng tiền mặt cho tổ chức tín dụng ủy quyền phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối; quy định các loại phí hoa hồng đại lý (nếu có);...</p>
6	<p>Khoản 4 Điều 15 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ quy định:</p> <p><i>4. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận, văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ: a) Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ, văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ căn cứ theo thời hạn hiệu lực của Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền hoặc căn cứ vào Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ có thời hạn hiệu lực dài</i></p>	<p>Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)</p>	<p>Bổ sung Điều 6đ như sau:</p> <p>Điều 6đ. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận</p> <p>...3. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận gia hạn:</p> <p>Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận gia hạn phù hợp với thời hạn hiệu lực của hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới đã ký kết giữa tổ chức kinh tế và tổ chức tín dụng ủy quyền</p>

	<i>nhất trong trường hợp có nhiều Hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ và tối đa không quá 5 (năm) năm kể từ ngày ký; ...</i>		nhưng tối đa không quá 05 năm kể từ ngày cấp.
7	<p>Điều 17 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ quy định:</p> <p><i>1. Ngân hàng Nhà nước thu hồi văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ; văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a) Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế không hoạt động sau 12 tháng kể từ ngày được cấp văn bản chấp thuận;</i></p> <p><i>b) Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh số chi trả trong 12 tháng liên tục;</i></p> <p><i>c) Tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấm dứt hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ hoặc đại lý chi, trả ngoại tệ;</i></p> <p><i>d) Các trường hợp thu hồi theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</i></p>	Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)	<p>Bổ sung Điều 6e như sau:</p> <p>Điều 6e. Thu hồi Giấy chứng nhận</p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Tổ chức kinh tế không hoạt động sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận;</p> <p>b) Tổ chức kinh tế ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh số đổi tiền của nước có chung biên giới trong 12 tháng liên tục;</p> <p>c) Tổ chức kinh tế có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới đề nghị chấm dứt hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;</p> <p>d) Các trường hợp thu hồi theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p>
8	<p>Luật Doanh nghiệp quy định:</p> <p>Điều 207. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp</p> <p><i>1. Doanh nghiệp bị giải thể trong trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b) Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; d)</i></p>	Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)	<p>Bổ sung Điều 6g như sau:</p> <p>Điều 6g. Các trường hợp tự động hết hiệu lực</p> <p>Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn tự động hết hiệu lực trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Tổ chức tín dụng ủy quyền, tổ chức kinh tế bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng ủy quyền, tổ chức kinh tế bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc</p>

<p>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.</p> <p>Điều 212. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp sau đây: a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo; b) Doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này thành lập; c) Doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế; d) Doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 của Luật này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản; đ) Trường hợp khác theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.</p> <p>Điều 213. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>1. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp được chấm dứt hoạt động theo quyết định của chính doanh nghiệp đó hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Điều 214. Phá sản doanh nghiệp</p> <p>Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p>		<p>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng ủy quyền chấm dứt hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với tổ chức kinh tế.</p>
<p>9 Điều 4 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số văn bản QPPL về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân quy định:</p> <p>Các cá nhân đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư số 07/2001/TT-NHNN ngày 31/8/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực</p>	<p>Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)</p>	<p>Bổ sung Điều 6h như sau:</p> <p>Điều 6h. Quy định chuyển tiếp</p> <p>1. Cá nhân đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới cấp Giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư số 07/2001/TT-NHNN ngày 31/8/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện</p>

	<p><i>hiện Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 8/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục thực hiện hoạt động đối ngoại tệ.</i></p>		<p>Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ được tiếp tục thực hiện hoạt động đối ngoại tệ trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>Sau thời hạn trên, Giấy phép thành lập bàn đối ngoại tệ đã cấp cho bàn đối ngoại tệ cá nhân tự động hết hiệu lực và cá nhân phải chấm dứt hoạt động đối ngoại tệ. Cá nhân có nhu cầu tiếp tục thực hiện hoạt động đối tiền của nước có chung biên giới phải thành lập tổ chức kinh tế để được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cho phép thực hiện hoạt động đại lý đối tiền của nước có chung biên giới.</p>
10	<p>- Điểm 5 Mục II Phần A Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính ban hành theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17/12/2010 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: 5. <i>Cấp giấy phép thành lập bàn đối ngoại tệ của cá nhân (B-NHA-001843-TT): Bãi bỏ thủ tục hành chính này (không cho phép cá nhân thành lập bàn thu, đối ngoại tệ).</i></p> <p>- Khoản 2 Điều 36 Pháp lệnh Ngoại hối (đã sửa đổi bổ sung) quy định: <i>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phạm vi kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối ở trong nước và nước ngoài, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác.</i></p>	Không quy định (Nghị định số 89/2016/NĐ-CP)	<p>Điều 3. Hiệu lực thi hành</p> <p>Khoản 2 quy định: Nghị định này bãi bỏ Điều 7 Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam.</p> <p>(bãi bỏ quy định cho phép cá nhân thành lập bàn đối ngoại tệ)</p>
11	Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã sửa đổi bổ sung) quy định:	Nghị định số 88/2019/NĐ-CP chưa có quy định về xử phạt vi phạm	Đề tạo cơ sở pháp lý cho việc xử phạt vi phạm của đại lý đối tiền của nước có chung

Điều 3. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính bao gồm: a) Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật; b) Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật; c) Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng; d) Chỉ xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định.

Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó.

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng.

đ) Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính; e) Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Điều 4. Thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

1. Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định các nội dung sau đây:

a) Hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị

hành chính đối với tổ chức kinh tế làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và hành vi đổi tiền của nước có chung biên giới; đồng thời quy định về bàn đổi ngoại tệ cá nhân không còn phù hợp.

biên giới, dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 88/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung các hành vi vi phạm của đối tượng này (tương tự vi phạm của đại lý đổi ngoại tệ), đồng thời bỏ các quy định liên quan đến bàn đổi ngoại tệ cá nhân. Trên tinh thần của Luật Xử lý vi phạm hành chính về nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính và thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính, Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi một số quy định liên quan tại Điều 3, Điều 3a, Điều 23, Điều 55 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP và Nghị định số 143/2021/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định số 88/2019/NĐ-CP) như sau:

(i) Tại điểm a khoản 2 Điều 3, điểm n khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 3a, điểm b khoản 9 Điều 23: Bổ sung cụm từ “giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới” vào sau cụm từ “giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ”.

(ii) Tại điểm d khoản 3, điểm a,b khoản 4, điểm i khoản 5, khoản 10 Điều 23: Bổ sung cụm từ “đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới” vào sau cụm từ “đại lý đổi ngoại tệ”.

(iii) Tại điểm a khoản 2 Điều 3, điểm n khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 3a, khoản 10 Điều 23: Bỏ cụm từ “giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ cá nhân”;

(iv) Bãi bỏ điểm o khoản 4, điểm d khoản 9 Điều 23; Thay thế một số cụm từ dẫn chiếu quy định tại Điều 23 và Điều 55; Bãi bỏ điểm b, d Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 143/2021/NĐ-CP.

<p><i>xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước; b) Chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.</i></p> <p><i>2. Biểu mẫu sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i></p> <p><i>3. Căn cứ quy định của Luật này, Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm toán nhà nước và đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng.</i></p>		<p>Ngoài ra, giữ nguyên các quy định liên quan đến mua bán ngoại tệ tại Điều 23 để áp dụng chung cho cả đại lý đổi ngoại tệ và đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.</p>
--	--	---